TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **105**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 9 - 2023
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/ TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Phương T, sinh năm 1975;

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T và chị N đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Trần Phương T trình bày như sau:

Anh T và chị N chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang ngày 29/8/2012.

Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị N

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 29/4/2004 (Đã trưởng thành); Trần Tuấn Kh, sinh ngày 06/11/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 20/3/2009, anh T đồng ý giao 02 người con tên Kh và Minh Th cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng đồng) trên 01 người con, tổng cộng là 3.000.000đ /02 người con cho đến khi 02 người con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, làm đám cưới và có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình, con chung, mâu thuẫn gia đình bắt đầu từ 2021 đến nay, lý do ly thân là do vợ chồng cự cãi, không hợp, giận nhau thường xuyên, giờ mạnh ai nấy sống.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì chị klhông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Trần Phương T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 29/4/2004 (Đã trưởng thành); Trần Tuấn Kh, sinh ngày 01/11/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 20/3/2009, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến tuổi trưởng thành, cấp dưỡng vào ngày 14 hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị xác định tài sản để lại cho 03 người con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh T và chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho anh T được ly hôn với chị N; Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn Kh, sinh ngày 01/11/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 20/3/2009 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Phương T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ 02 người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Kh và cháu T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 14 hàng tháng. Về tài sản chung: Anh T và chị N tự thỏa T không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi có yêu cầu thì giải quyết thành vụ kiện khác. Về nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa T được toàn bộ vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung".

Anh T kết hôn với chị N trên cơ sở tự nguyện và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 29/8/2012, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của anh T và chị N tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở nhận

định mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị thường xuyên xảy ra cự cãi bất đồng nhiều lần, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó anh chị đã tự ly thân với nhau năm 2021 cho đến nay, trong quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất cho anh Trần Phương T được ly hôn với chị Lê Thị N.

Về con chung: Anh T và chị N thống nhất xác định có 03 con chung Trần Tuấn K, sinh ngày 29/01/2004 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập xem xét. Cháu Trần Tuấn Kh, sinh ngày 06/01/2006 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 28/3/2009. Cháu Kh và T có nguyện vọng được sống với mẹ là chị N. Chị N yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Trần Tuấn Kh và Trần Thị Minh T. Anh T và chị N thống nhất giao cháu Kh và T cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Phương T tự ngyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/02 người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Kh và cháu T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 14 hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh T và chị N tự thỏa T không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi có yêu cầu thì giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Anh Trần Phương T có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Phương T được ly hôn với chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn Khỏe, sinh ngày 06/11/2006 và Trần Thị Minh Thư, sinh ngày 20/3/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Phương T tự ngyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/02 người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Trần Tuấn Kh và cháu Trần Thị Minh T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 14 hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đươc ngăn cản, tuy nhiên anh T không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị N tự thỏa T không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi có yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ và người khác nợ vợ chồng: Anh T và chị N xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí :

Anh T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền án phí anh T phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004770 ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh T tiếp tục nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự đều có có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa T thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm